TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐST
Ngày: 19-9-2018
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc

2. Ông Nguyễn Chu Thực

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa***: Bà Đàm Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST-HPT ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M** – sinh năm: 1980; HKTT: Tổ X, cụm A, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Trú tại: Số nhà V, tầng Z, khu tập thể B, phường G, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do (có mặt tại phiên tòa).

***2. Bị đơn*: Anh Lê Văn T** – sinh năm: 1963; HKTT: Tổ X, cụm A, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Trú tại: Ngách N, đường A, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nhà số G); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Văn T có tìm hiểu và tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2000, đăng kí kết hôn vào ngày 19/02/2008 tại UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại địa chỉ: Tổ 36, cụm 5, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Năm 2015, chị M chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Số nhà V, tầng Z, khu tập thể B, phường G, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; anh T sinh sống tại: Số nhà T, phố P, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Sau đó, anh T chuyển về sinh sống tại: Ngách N, đường A, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nhà số G)

Nguyên nhân mâu thuẫn: do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, mỗi lần cãi nhau anh T lại có hành vi đánh đập, chửi bới chị M . Việc xô xát gia đình có biết, chị cũng có trao đổi với chính quyền địa phương nhưng không lập thành biên bản. Ngoài ra, anh chị còn mâu thuẫn vì lý do kinh tế, anh T không chủ động lo cho gia đình, hay quản lý và yêu cầu chị M đưa tiền. Sự việc diễn ra một thời gian dài như vậy nên đời sống vợ chồng rất căng thẳng. Do không thể chịu đựng được nên đến năm 2015, chị chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống cùng hai con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không thể mang lại hạnh phúc cho nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là Lê Thị Mai A – sinh ngày 27/02/2002 và Lê Anh Đ – sinh ngày 02/01/2004. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh anh T cấp dưỡng. Hiện chị làm kinh doanh tự do, thu nhập trung bình 30.000.000 đồng/tháng

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập anh Lê Văn T đến Tòa án làm việc nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên anh T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình và không bổ sung thêm ý kiến, tài liệu nào khác; bị đơn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M . Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê văn T .

Về con chung: Anh chị có 02 (hai) con chung là Lê Thị Mai A – sinh ngày 27/02/2002 và Lê Anh Đ – sinh ngày 02/01/2004. Căn cứ ý kiến trình bày của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX giao hai cháu cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị M yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà đất, và công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M có đơn xin ly hôn với anh Lê Văn T . HĐXX xét thấy đây là tranh chấp xin ly hôn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Đơn xin xác nhận nơi cư trú của anh T do chị M giao nộp cho Tòa án cùng đơn khởi kiện, thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh T trú tại địa chỉ: Số nhà 18, phố Phú Xá, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào Biên bản làm việc do

Tòa án thu thập vào ngày 14/5/2018, Công an phường Phú Thượng xác nhận anh Lê Văn T hiện đang cư trú tại: Ngách 26/163, đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nhà số 3). Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Toà án đã tiến hành thông báo hợp lệ cho bị đơn về các lần mở phiên toà xét xử vụ án. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T có tìm hiểu và tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2000, đăng kí kết hôn vào ngày 19/02/2008 tại UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị M xác định hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, trong quá trình chung sống có sự xô xát, căng thẳng với nhau. Kết quả xác minh tại địa phương và ý kiến đại diện gia đình hai bên cũng thể hiện mâu thuẫn của anh chị là có thật. Kể từ thời điểm ly thân cũng như sau khi chị M khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án, mặc dù đã được Toà án thông báo việc chị M có đơn xin ly hôn, tống đạt thông báo hòa giải nhưng anh T không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị M . Điều này thể hiện anh T không có thiện chí hòa giải đoàn tụ hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng. Nay thời gian anh chị sống ly thân đã lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc hòa giải không thể thực hiện được. Điều này cho thấy mâu thuẫn của của hai bên là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc chị M yêu cầu xin ly hôn đối với anh T là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị M và anh T có 02 (hai) con chung là Lê Thị Mai A – sinh ngày 27/02/2002 và Lê Anh Đ – sinh ngày 02/01/2004. Tại phiên tòa hôm nay, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào Đơn xin xác nhận do chị M giao nộp, chị M đang sinh sống, ăn ở ổn định và trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu tại: Số nhà 39, tầng 5, khu tập thể B2 Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Gia đình chị M cũng có ý kiến sẽ hỗ trợ trong việc chăm sóc các cháu; chị M cũng đang kinh doanh tự do, có thu nhập hàng tháng là 30.000.000 đồng đủ để nuôi con. Anh T không trực tiếp chăm sóc các con, cũng không thể hiện sự quan tâm đến các cháu, không đến Tòa án để thể hiện quan điểm và giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều kiện nuôi con. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của hai con chung anh chị, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao con cho ai nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, HĐXX thấy cần giao cháu Mai A và cháu Đ cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh T cho đến khi chị M yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M . Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lê Văn T .

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung Lê Thị Mai A – sinh ngày 27/02/2002 và Lê Anh Đ – sinh ngày 02/01/2004 cho chị M trực tiếp chăm sóc và

nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị M có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Chị M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06457 ngày 28/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (theo GCNKH số: 10, quyển số 01 ngày 19/02/2008);
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp